| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 868/2025/DS-ST.
Ngày: 03/6/2025.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Đời

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Lợi;

Ông Nguyễn Cửu Long.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:*** Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 1800/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3354/2025/QĐXX-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 4214/2025/QĐHPT ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.**

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B (Theo Giấy ủy quyền số 1090/2024/UQ-TT.XLN ngày 15/8/2024.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Đông Tuấn Đ**, sinh năm 1989. Căn cước công dân số: 046089014500. Địa chỉ: C đường T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Ông B có đơn xin vắng mặt, ông Tuấn Đ vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết là S1) trình bày:*

Ngày 26/9/2022, ông Võ Đông Tuấn Đ có ký với S1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Theo đó, căn cứ thu nhập của ông Đ, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 340.604.106 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho S1 số tiền 267.786.648 đồng, (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1), ngày 26/02/2024 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S1). Tính đến ngày 28/7/2024, ông Đ còn nợ S1 các khoản sau: Nợ gốc: 118.258.347 đồng, lãi quá hạn: 24.068.476 đồng, tổng cộng: 142.326.823 đồng.

Nay S1 khởi kiện yêu cầu ông Võ Đông Tuấn Đ thanh toán nợ gốc và nợ quá hạn tạm tính đến ngày 28/7/2024 là 142.326.823 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi ba) đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

*Bị đơn – ông Võ Đông Tuấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do*.

**Tại phiên tòa**:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và có Bản tự khai gửi Hội đồng xét xử. Tại Bản tự khai thể hiện*: Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả tổng cộng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2025) là 187.822.113 đồng, trong đó tiền gốc là 118.258.347 đồng, lãi quá hạn là 69.563.766 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Do ông Võ Đông Tuấn Đ đã vi phạm các nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đ phải trả cho Ngân hàng S1 tổng cộng là 187.822.113 đồng, trong đó tiền gốc là 118.258.347 đồng, lãi quá hạn là 69.563.766 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, ông Đ có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn – Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn – ông Võ Đông Tuấn Đ thanh toán các khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tranh chấp giữa hai bên xuất phát từ hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư ngụ tại thành phố T nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện, do đó căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

- Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/9/2022 và bản điều khoản và điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của Ngân hàng S1:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, xác nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Nguyên đơn có cấp tín dụng cho bị đơn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, hình thức là cấp Thẻ tín dụng (loại Thẻ tín dụng nội địa), hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Lãi suất các bên thỏa thuận là 2,48%/tháng. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên được các bên ký kết có hình thức đúng quy định, nội dung các bên thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tự nguyện ký kết nên phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 12 của Luật Ngân hàng N 2010, do đó các văn bản trên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc.

Căn cứ các Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của bị đơn – ông Võ Đông Tuấn Đ có số căn cước công dân 046089014500 do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 15/11/2022. Trong thời gian sử dụng thẻ, bị đơn thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 340.6004.106 đồng và đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 267.786.648 đồng (thứ tự thanh toán theo Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng). Sau khi trừ đi các khoản tiền phải thanh toán theo thứ tự nêu trên thì số tiền gốc còn lại là 118.258.347 đồng và kể từ tháng 11/2023 đến nay bị đơn không trả cho nguyên đơn thêm bất kì khoản tiền nào khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"*; căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc…";* căn cứ Điều 20, Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quy định "*… số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.*" Căn cứ Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định "*… Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh…*"; căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụngđịnh: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".*

Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền gốc 118.258.347 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi quá hạn.

Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...".* Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Tại Phần 1.24 Mục Giải thích từ ngữ; Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: *"Thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước ..."; "Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản ..."; "Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) ...".* Xét trong quá trình sử dụng Thẻ, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/02/2024 là phù hợp với quy định. Theo các quy định nêu trên, số tiền lãi quá hạn được tính trên dự nợ gốc 118.258.347 đồng kể từ ngày 16/02/2024 theo mức lãi suất quá hạn áp dụng là 3.72(2.48%x150%) đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2025) là 69.563.766 đồng, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi quá hạn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm.

Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định "*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật....*", xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng kèm theo cùng ký ngày 26/9/2022 và các quy định liên quan giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về việc trả lãi, lãi suất, do đó theo quy định nêu trên thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử

sơ thẩm (ngày 04/6/2025) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các văn bản nêu trên. Như vậy, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tính đến ngày 03/6/2025 tổng cộng là 187.822.113 đồng, trong đó tiền gốc là 118.258.347 đồng, lãi quá hạn là 69.563.766 đồng. Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng kèm theo kể từ ngày 04/6/2025 cho đến khi bị đơn trả hết số nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm được tính trên số tiền 187.822.113 đồng, tương đương án phí sơ thẩm là 9.391.106 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 4; Điều 91; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017);

- Căn cứ Điều 12 Luật Ngân hàng N 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014);

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử**:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn – ông Võ Đông Tuấn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản tiền tính đến ngày 03/6/2025 tổng cộng là 187.822.113 (một trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, một trăm mười ba) đồng, trong đó tiền gốc là 118.258.347 đồng, lãi quá hạn là 69.563.766 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng kèm theo cùng ký ngày 26/9/2022 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Võ Đông Tuấn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.391.106 (chín triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn một trăm lẻ sáu) đồng. Ông Đ chưa nộp án phí.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.558.170 (ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn một trăm bảy mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041867 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tống đạt, niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Kim Anh), 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã lưu)*

**Danh Đời**